TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về: Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Lê D**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số A, tổ G, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Danh L**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số C, tổ F, ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 18/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Lê D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2017 chị Nguyễn Lê D và anh Danh L sau thời gian tự tìm hiểu, thương yêu nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 20/11/2017. Sau khi cưới chị D và anh L về sống cùng gia đình anh L tại ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2019 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân là do anh L không lo lắng cho gia đình, thường xuyên gây nợ nần, bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp. Đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống (Vĩnh Long) và sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị Nguyễn Lê D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh L.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị D và anh L có một người con chung tên Danh Nguyễn Long G, sinh ngày 21/6/2019. Hiện nay, con chung do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Lê D xác nhận quá trình chung sống chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Danh L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Danh L, anh L ký nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh L vẫn vắng mặt tại Toà, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Nguyễn Lê D yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Danh L. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn Danh Lộc có nơi cư trú tại ấp T, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Danh L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn D.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Nguyễn Lê D và anh Danh L chung sống với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 20/11/2017. Như vậy hôn nhân giữa chị Nguyễn Lê D và anh Danh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Lê D, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu sau khi cưới nhau, chị D và anh L chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị D là do anh L không lo lắng cho gia đình, thường xuyên gây ra nợ nần, bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được nên chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh L cho đến nay. Sau khi sống ly thân, chị D và anh L không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị D đoàn tụ gia đình, nhưng chị D vẫn kiên quyết ly hôn với anh L. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhiều lần bằng cách gửi trực tiếp, anh L nhận đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh L cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Nguyễn Lê D được ly hôn với anh Danh L.

[3.2] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống với nhau, chị D và anh L có một người con chung tên Danh Nguyễn Long G, sinh ngày 21/6/2019. Hiện cháu Danh Nguyễn Long G do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ly hôn chị D yêu cầu

được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu G cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị D và anh L sống ly thân cho đến nay chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, cháu vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp cháu G phát triển tốt về mọi mặt cần tiếp tục giao cháu Danh Nguyễn Long G cho chị Nguyễn Lê D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Lê D không yêu cầu anh Danh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Danh L vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về phần tài sản và nợ chung giữa chị D và anh L. Mặt khác, tại Toà án chị D xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh L, anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Lê D yêu cầu ly hôn, căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Lê D được ly hôn với anh Danh L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Danh Nguyễn Long G, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Nguyễn Lê D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Lê D không yêu cầu anh Danh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Nguyễn Lê D nuôi con, anh Danh L được quyền trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Lê D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Lê D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004186 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Lê D không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thị Quyên